

Tổng hợp kiến thức Sự hòa hợp giữa Chủ ngữ và Động từ (S-V Agreement)

Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ là một trong những quy tắc ngữ pháp cơ bản và quan trọng nhất trong tiếng Anh. Quy tắc này yêu cầu động từ phải được chia sao cho phù hợp với ngôi và số (số ít hoặc số nhiều) của chủ ngữ.

I. Quy tắc cơ bản

1. Chủ ngữ số ít đi với động từ số ít

Công thức: S (số ít) + V (số ít)

Chủ ngữ số ít bao gồm danh từ không đếm được, danh từ đếm được số ít, và các đại từ như he, she, it.

- **Ví dụ 1:** She **studies** English every day. (Cô ấy học tiếng Anh mỗi ngày.)
- **Ví dụ 2:** The book on the table **is** mine. (Quyển sách trên bàn là của tôi.)
- **Ví dụ 3:** Water **is** essential for life. (Nước rất cần thiết cho sự sống.)

2. Chủ ngữ số nhiều đi với động từ số nhiều

Công thức: S (số nhiều) + V (số nhiều)

Chủ ngữ số nhiều bao gồm danh từ đếm được số nhiều và các đại từ như they, we, you.

- **Ví dụ 1:** They**are** playing football in the yard. (Họ đang chơi bóng đá trong sân.)
- **Ví dụ 2:** My parents**live** in a small town. (Bố mẹ tôi sống ở một thị trấn nhỏ.)

II. Chủ ngữ được nối bởi liên từ

1. Chủ ngữ nối bằng 'and'

Công thức: S1 and S2 + V (số nhiều)

Khi hai hoặc nhiều chủ ngữ được nối với nhau bằng 'and', động từ thường được chia ở dạng số nhiều.

- **Ví dụ 1:** John and Mary**are** best friends. (John và Mary là bạn thân.)
- **Ví dụ 2:** A cat and a dog**have been** living together peacefully. (Một con mèo và một con chó đã sống cùng nhau rất hòa thuận.)

Lưu ý các trường hợp ngoại lệ:

- Khi hai danh từ cùng chỉ một người, một vật, hoặc một ý niệm, động từ chia ở dạng số ít. (Thường có mạo từ 'the' đứng trước danh từ đầu tiên)
- **Ví dụ:** The writer and poet**is** coming to our school. (Nhà văn và cũng là nhà thơ đó sẽ đến trường chúng ta.)
- Khi hai danh từ tạo thành một món ăn hoặc một cặp không thể tách rời.
- **Ví dụ:** Bread and butter**is** my favorite breakfast. (Bánh mì và bơ là bữa sáng yêu thích của tôi.)

- Sau 'each', 'every': **Each/Every + N (số ít) + and + Each/Every + N (số ít) + V (số ít)**
- **Ví dụ:** Every boy and every girl **has** to complete the test. (Mỗi nam sinh và nữ sinh đều phải hoàn thành bài kiểm tra.)

2. Chủ ngữ nối bằng 'or', 'nor', 'either...or', 'neither...nor', 'not only...but also'

Công thức: S1 or/nor S2 + V (chia theo S2)

Động từ được chia theo chủ ngữ gần nó nhất (S2).

- **Ví dụ 1:** Neither my brothers nor my sister **likes** this movie. (Cả các anh trai tôi và chị gái tôi đều không thích bộ phim này.)
- **Ví dụ 2:** Either you or I **am** responsible for this. (Hoặc bạn hoặc tôi phải chịu trách nhiệm cho việc này.)
- **Ví dụ 3:** Not only the students but also the teacher **is** excited about the trip. (Không chỉ học sinh mà cả giáo viên cũng hào hứng về chuyến đi.)

3. Chủ ngữ được nối bởi 'with', 'together with', 'along with', 'as well as', 'accompanied by'

Công thức: S1 + (with/along with/as well as/...) + S2 + V (chia theo S1)

Động từ được chia theo chủ ngữ đầu tiên (S1).

- **Ví dụ 1:** The teacher, along with her students, **is** going to the museum. (Cô giáo, cùng với học sinh của mình, đang đi đến bảo tàng.)

- **Ví dụ 2:** My father, as well as his friends, **enjoys** fishing. (Bố tôi, cũng như bạn bè của ông, thích câu cá.)

III. Đại từ bất định

Các đại từ bất định thường được chia với động từ số ít.

Công thức: **everyone, someone, anyone, no one, everybody, somebody, anybody, nobody, everything, something, anything, nothing, each, another, either, neither + V (số ít)**

- **Ví dụ 1:** Everyone **knows** the answer. (Mọi người đều biết câu trả lời.)
- **Ví dụ 2:** Nothing **is** impossible. (Không có gì là không thể.)
- **Ví dụ 3:** Each of the students **has** a different opinion. (Mỗi học sinh có một ý kiến khác nhau.)

IV. Cụm từ chỉ số lượng

1. A number of / The number of

- **A number of + N (số nhiều) + V (số nhiều):** có nghĩa là 'một vài', 'một số'.
- **Ví dụ:** A number of students **are** absent today. (Một số học sinh vắng mặt hôm nay.)
- **The number of + N (số nhiều) + V (số ít):** có nghĩa là 'số lượng'.
- **Ví dụ:** The number of students in this class **is** forty. (Số lượng học sinh trong lớp này là bốn mươi.)

2. Các từ chỉ phần trăm, phân số (some, all, most, half, a lot of, plenty of,...)

Công thức: All/Some/Most/Half/A lot of/... + of the + N + V (chia theo N)

Động từ sẽ được chia theo danh từ đứng sau 'of'.

- Nếu N là danh từ không đếm được hoặc danh từ số ít, V chia ở dạng số ít.
- **Ví dụ:** Some of the water **is** polluted. (Một phần nước đã bị ô nhiễm.)
- Nếu N là danh từ số nhiều, V chia ở dạng số nhiều.
- **Ví dụ:** Most of the students **understand** the lesson. (Hầu hết học sinh đều hiểu bài.)

3. Many a...

Công thức: Many a + N (số ít) + V (số ít)

Cấu trúc này mang nghĩa số nhiều nhưng động từ lại chia ở dạng số ít.

- **Ví dụ:** Many a student **has** tried to solve this problem. (Nhiều học sinh đã cố gắng giải quyết vấn đề này.)

V. Các trường hợp đặc biệt

1. Danh từ tập hợp (Collective Nouns)

Các danh từ như: family, team, group, committee, class, government, army...

- Động từ chia số ít khi cả nhóm hành động như một thể thống nhất.
- **Ví dụ:** My family **is** going on vacation next week. (Gia đình tôi sẽ đi nghỉ vào tuần tới.)

- Động từ chia số nhiều khi các thành viên trong nhóm hành động riêng lẻ.
- **Ví dụ:** The team**are** arguing about the new strategy. (Đội đang tranh cãi về chiến lược mới.)

2. Danh từ có hình thức số nhiều nhưng mang nghĩa số ít

Các danh từ như: news, physics, mathematics, economics, politics, measles (bệnh sởi), mumps (bệnh quai bị)... luôn đi với động từ số ít.

- **Ví dụ 1:** The news**is** on at 7 p.m. (Bản tin thời sự chiếu lúc 7 giờ tối.)
- **Ví dụ 2:** Mathematics**is** a difficult subject for many students. (Toán học là một môn khó đối với nhiều học sinh.)

3. Danh từ chỉ có hình thức số nhiều

Các danh từ chỉ vật có hai phần như: scissors (cái kéo), trousers (quần dài), pants (quần), glasses (kính mắt), shorts (quần ngắn)... luôn đi với động từ số nhiều. Để chỉ một vật, ta dùng 'a pair of'.

- **Ví dụ 1:** My new trousers**are** too long. (Cái quần dài mới của tôi quá dài.)
- **Ví dụ 2:** A pair of scissors**is** on the desk. (Một cái kéo đang ở trên bàn.)

4. Cấu trúc 'There is / There are'

Động từ 'to be' được chia theo danh từ đứng ngay sau nó.

- **Ví dụ 1:** There **is** a book on the table. (Có một quyển sách trên bàn.)
- **Ví dụ 2:** There **are** many books on the shelf. (Có nhiều quyển sách trên giá.)

5. Mệnh đề hoặc cụm từ làm chủ ngữ

Khi chủ ngữ là một mệnh đề danh từ (bắt đầu bằng what, that, why,...) hoặc một danh động từ (V-ing), động từ luôn được chia ở dạng số ít.

- **Ví dụ 1:** What he said **is** not true. (Những gì anh ta nói không đúng sự thật.)
- **Ví dụ 2:** That we need to finish the project on time **is** very important. (Việc chúng ta cần hoàn thành dự án đúng hạn là rất quan trọng.)
- **Ví dụ 3:** Reading books **is** my hobby. (Đọc sách là sở thích của tôi.)

6. Các cụm từ chỉ tiền bạc, thời gian, khoảng cách, sự đo lường

Khi các cụm từ này được xem như một đơn vị duy nhất, động từ được chia ở dạng số ít.

- **Ví dụ 1:** Ten dollars **is** not a lot of money. (Mười đô la không phải là số tiền lớn.)
- **Ví dụ 2:** Two hours **is** enough to finish this test. (Hai giờ là đủ để hoàn thành bài kiểm tra này.)
- **Ví dụ 3:** Five kilometers **is** a long distance to walk. (Năm cây số là một quãng đường dài để đi bộ.)

7. Tên sách, phim, tác phẩm nghệ thuật

Dù có dạng số nhiều, tên riêng của các tác phẩm luôn đi với động từ số ít.

- **Ví dụ:** 'The Avengers' **is** a famous movie series. ('Biệt đội siêu anh hùng' là một loạt phim nổi tiếng.)